

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2019/DS-PT

Ngày: 08-8-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cua

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1965;

2. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1962;

3. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964;

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C1 là: Bà Nguyễn Thị C1 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2018).

- *Bị đơn:*

1. Bà Tiêu Thị H, sinh năm 1936;
2. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1962;
3. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1964;
4. Ông Võ Văn L, sinh năm 1972;
5. Ông Võ Tấn L1, sinh năm 1978;

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Võ Thị Bé N, sinh năm 1973, cư trú tại: Ấp Đ3, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1, bà Võ Thị Bé N là: Ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Kim H2, sinh năm 1960, cùng cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 8 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn T1 là: Ông Hoàng Văn S, Luật sư của Văn phòng Luật sư S1, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện L: Ông Trần Văn Đ1 – chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Đ1 là: Ông Phạm Văn R - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019).

2. Ủy ban nhân dân xã V, huyện L;

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã V, huyện L: Ông Đoàn Hữu Đ2 – chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Hữu Đ2 là: Ông Trần Hữu C2 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2018).

Ông Trần Hữu C2 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 03/12/2018.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963;
4. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1967;

Cùng cư trú tại: Ấp L1, xã S3, huyện L, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

6. Ông Nguyễn Văn U1, sinh năm 1976, cư trú tại: Ấp A1, xã A2, huyện T5, tỉnh Bến Tre.

7. Ông Trần Quốc T2, sinh năm 1989, cư trú tại: Khu phố T2, phường B1, thị xã A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn U1, ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn E, ông Trần Quốc T2 là: Bà Nguyễn Thị C1 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2018).

- *Người kháng cáo: Ông Võ Văn T1 là bị đơn, bà Nguyễn Kim H2 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1, bà Võ Thị Bé N.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 2212, 2213, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại: Ấp L1 Hiệp, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre do bà Phan Thị M đứng tên trong sổ mục kê. Bà Phan Thị M chết năm 2009 và không để lại di chúc. Bà M có 07 người con gồm: Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn U1 và Trần Quốc T2. Phần đất này có hướng Tây giáp với thửa 2210, 2211, tờ bản đồ số 01 của ông Võ Văn B (đã chết). Vào thời điểm đo đạc VLAP năm 2010, bà Tiêu Thị H (vợ ông B) đã tự cắm trụ ranh cho đo đạc và hai bên sử dụng ổn định từ đó đến nay. Đến ngày 27/6/2017, bà H không đồng ý ranh đất trước đây do bà tự cắm ranh và lấn chiếm sang phần đất thuộc thửa 2212, 2213 do ông C, bà C1 và ông C1 đang quản lý, sử dụng. Theo kết quả đo đạc gồm một phần thửa 219, diện tích 55,4 m² và một phần thửa 339 diện tích 14,8 m², tổng cộng là 70,2m². Vì vậy, ông C, bà C1 và ông C1 yêu cầu Tòa án xác định lại ranh đất của ông với bà H, đồng thời giải quyết buộc bị đơn là bà Tiêu Thị H và những người con của bà trả lại cho ông C, bà C1 và ông C1 phần đất lấn ranh là 70,2m².

Theo đơn phản tố và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Văn T1 và bà Nguyễn Kim H2 cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1, bà Võ Thị Bé N trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn vì trước đây ranh đất của phần đất thuộc thửa 2210, 2211, tờ bản đồ số 05 của ông Võ Văn B với phần đất thuộc thửa 2212, 2213, tờ bản đồ số 01 của bà Phan Thị M là ranh thẳng ngay hàng rào xương R phía sau nhà ông C kéo dài đến lộ đèo sông Lu. Phần đường đất gồm một phần thửa 219 tách là đường giao thông nông thôn có diện tích là 55,4m². Vì vậy, ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết xác định lại ranh đất của đôi bên và công nhận cho bà Tiêu Thị H phần đất đường đi có diện tích là 55,4m².

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn U1, ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn E, ông Trần Quốc T2 là bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Các ông bà từ chối nhận thừa kế di sản của bà M để lại và giao toàn bộ phần đất thuộc thửa 2212, tờ bản đồ số 01 cho bà C1, ông C quản lý sử dụng, còn phần đất thuộc thửa 2213, tờ bản đồ số 01 giao cho ông Nguyễn Văn C1 quản lý, sử dụng, các ông bà không khiếu nại về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L trình bày:

Năm 1994, đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã V đối với phần đất của ông Võ Văn B thuộc thửa 2210, 2211, tờ bản đồ số 01 được ông B kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/1995. Qua nhiều lần chuyển nhượng thì diện tích còn lại của ông B là 557m², phù hợp với diện tích đất của ông B theo kết quả đo đạc chính qui năm 2011, nhưng chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liên ranh thửa đất 2210-2211 về hướng đông là phần đất thuộc thửa 2212-2213 của bà Phan Thị M đứng tên trong sổ mục kê mà theo kết quả đo đạc chính quy là thửa 338, 339, tờ bản đồ số 05 hiện do bà C1, ông C, ông C1 (con bà M) đang quản lý sử dụng.

Đối với ranh đất hai thửa trên, theo hồ sơ đo đạc (bản đồ gốc 299) là đường thẳng. Tuy nhiên, về kích thước cụ thể trước đây đo đạc thủ công nên không cung cấp được số liệu chiều ngang, chiều dài chính xác. Hiện nay hồ sơ đo đạc chính quy các hộ chưa được cấp đổi. Vì vậy, kiến nghị Hội đồng xét xử giữ lại phần đất đang tranh chấp làm đường công cộng theo bản đồ địa chính chính quy của Ban quản lý dự án VLAP để phục vụ cho các hộ bên trong sử dụng vì mục đích cộng đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã V, huyện L trình bày:

Phần đất đường đi do hai bên tranh chấp hiện tại không nằm trong quy hoạch đường giao thông nông thôn mới. Trước đây, khi đo đạc VLAP do các bên tự cắm

mốc ranh mở đường đi để cho các hộ bên trong đi. Nay các bên tranh chấp thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định như sau:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn C1 về việc buộc bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1 và bà Võ Thị Bé N trả lại cho các ông bà phần đất có diện tích 70,2m².

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 55,4m² cho bà Tiêu Thị H.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông C, bà C1 tháo dỡ, di dời một phần căn nhà có diện tích 9,7m² nằm trên phần đất có diện tích 55,4m², thuộc một phần thửa 219, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu xác định lại ranh đất của bà Phan Thị M với ông Võ Văn B, cụ thể như sau:

Phần đất thuộc thửa 338, 339, tờ bản đồ số 05 (thửa gốc là thửa 2212-2213, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre có vị trí hướng Tây giáp đường giao thông nông thôn là thửa 219, tờ bản đồ số 05, ranh đất được xác định từ điểm 5 đến điểm 10, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Đông giáp thửa 340, tờ bản đồ số 05 của ông Võ Văn D2;
- Phía Nam giáp thửa 22, tờ bản đồ số 13 của bà Nguyễn Thị H3.

Phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 05 (thửa gốc là thửa 2210 và một phần thửa 2211, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre có vị trí hướng Đông giáp đường giao thông nông thôn là thửa 219, tờ bản đồ số 05, ranh đất được xác định từ điểm 4, 3, 2, 11, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Tây giáp thửa 303 của ông Võ Văn U;
- Phía Đông giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Nam giáp thửa 17, tờ bản đồ số 13 của bà Nguyễn Thị C1.

(Có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2019 bị đơn ông Võ Văn T1, bà Nguyễn Kim H2 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1, bà Võ Thị Bé N kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Văn T1:

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa 2210 -2211 (nay tách một phần thành thửa 219), tờ bản đồ 01 là của ông Võ Văn B. Năm 2003 ông B chết không để lại di chúc phần đất này thuộc quyền thừa kế của bà H và các con cho nên mọi vấn đề liên quan đến phần đất này phải được tất cả các đồng thừa kế đồng ý mà một mình bà H quyết định là không đúng quy định pháp luật. Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn đã được các hộ dân phía trong đi nhờ thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 175 Bộ luật Dân sự là không phù hợp với nội dung vụ việc tranh chấp. Như vậy, việc bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 55,4m² và yêu cầu ông C, bà C1 tháo dỡ một phần căn nhà có diện tích 9,7m² nằm trong diện tích đất tranh chấp là có cơ sở cần phải được chấp nhận. Về phần án phí, lệ phí Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C, bà C1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là không phù hợp và phải xác định là án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị đất tranh chấp 70,2m². Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 71,7m², thuộc thửa 219 và một phần thửa 338, 339, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L,

tỉnh Bến Tre. Phần đất thuộc thửa 338, 339 do bà Phan Thị M đứng tên sổ mục kê. Hiện nay, phần thửa 338 do ông Nguyễn Văn C1 quản lý sử dụng, thửa 339 do bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn C quản lý sử dụng. Đối với phần đất có diện tích 55,4m², thuộc một phần thửa 219 có hiện trạng là đường đi. Theo biên bản xác minh ngày 17/4/2019 đối với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L không xác định được phần đất có diện tích 55,4m² thửa 219, tờ bản đồ số 05 có thửa gốc là thửa đất nào và theo hồ sơ đo đạc VLAP đã thể hiện phần thửa 219 là đường giao thông nông thôn.

[2] Vào thời điểm đo đạc VLAP năm 2011 thì phía bà H và nguyên đơn đã thống nhất cắm trụ ranh để đo đạc. Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất xác lập ngày 07/4/2011 đã thể hiện chính bà H, bà C1, ông C1 tự nguyện ký hiệp thương ranh đất để VLAP đo đạc. Từ đó, cho thấy các bên đã thỏa thuận xác định ranh đất vào thời điểm năm 2011. Cho nên, theo bản đồ địa chính chính quy do Ban quản lý VLAP tỉnh Bến Tre bàn giao thì thửa 338,339, tờ bản đồ số 05 (thửa gốc là thửa 2212, 2213, tờ bản đồ số 01), tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L có hướng Tây tiếp giáp đường là một phần của thửa 219 có diện tích 55,4m². Do bà M chỉ mới kê khai đất, chưa được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi các nguyên đơn đã ký hiệp thương ranh năm 2011 nên việc các nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong phần đất bà M kê khai là không có cơ sở.

[3] Phần đất thuộc thửa 2210, 2211, tờ bản đồ số 01 là của ông Võ Văn B được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 (theo bản đồ 299) đo đạc thủ công, hình thể thửa đất không cụ thể, chính xác trên thực địa nên việc xác định phần đất tranh chấp là của ai cũng như ranh đất của hai bên căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng trên thực tế. Qua nhiều lần biến động thì diện tích còn lại của thửa 2210, 2211 là 557m² và chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016, giữa bà H và ông C, bà C1 có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc hiện trạng đất tranh chấp thì cả bà H và bà C1 đều ký xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đối với một phần thửa đất 2211, tờ bản đồ số 01 do ông B chuyển nhượng cho bà C1 có hướng Đông giáp đường đất và cũng như đã nêu ở trên việc các đương sự thống nhất hiệp thương cắm trụ ranh năm 2011 để xác định ranh giới cũng như diện tích thửa đất mình đang quản lý sử dụng và cùng không xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa 219 nằm trong phần đất của ai. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của bị đơn và ranh đất với bà M là ranh thẳng tính từ hàng xương R sau nhà ông C ra đến lộ bê-tông sông Lu. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu công nhận phần đất đường đi có diện tích 55,4m² cho bà H là có cơ sở.

[4] Đối với việc bị đơn phản tố yêu cầu ông C, bà C1 tháo dỡ một phần căn nhà có diện tích 9,7m² nằm trên phần đất đang tranh chấp nhận thấy, đây là đường giao thông nông thôn và theo khoản 7 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013, Điều 186, 187 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì bị đơn không có quyền khởi kiện.

[5] Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch”, do trong vụ án này Tòa án chỉ xem xét quyền sử dụng đất là của ai nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản, thu thập chứng cứ là 6.905.000 đồng, ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn C1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu và đã nộp xong.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017505 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn C1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số số 0000668 ngày 15/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Bà Tiêu Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1 và bà Võ Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000785 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn T1, bà Nguyễn Kim H2 là người đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1, bà Võ Thị Bé N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai; Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn C1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1 và bà Võ Thị Bé N.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Tiêu Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 và ông Nguyễn Văn C1.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông C, bà C1 tháo dỡ, di dời một phần căn nhà có diện tích 9,7m² nằm trên phần đất có diện tích 55,4m², thuộc một phần thửa 219, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu xác định lại ranh đất của bà Phan Thị M với ông Võ Văn B, cụ thể như sau:

Phần đất thuộc thửa 338, 339, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre có vị trí hướng Tây giáp đường giao thông nông thôn là thửa 219, tờ bản đồ số 05, ranh đất được xác định từ điểm 5 đến điểm 10, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Tây giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Đông giáp thửa 340, tờ bản đồ số 05 của ông Võ Văn D2;
- Phía Nam giáp thửa 22, tờ bản đồ số 13 của bà Nguyễn Thị H3.

Phần đất thuộc thửa 301, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại: Ấp P, xã V, huyện L, tỉnh Bến Tre có vị trí hướng Đông giáp đường giao thông nông thôn là thửa 219, tờ bản đồ số 05, ranh đất được xác định từ điểm 4, 3, 2, 11, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Tây giáp thửa 303 của ông Võ Văn U;
- Phía Đông giáp đường giao thông nông thôn;
- Phía Nam giáp thửa 17, tờ bản đồ số 13 của bà Nguyễn Thị C1.

(Có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị C1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017505 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn C1 phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000668 ngày 15/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Bà Tiêu Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tiêu Thị H, ông Võ Văn T1, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn L, ông Võ Tấn L1 và bà Võ Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000785 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương

